

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H sinh năm 1992; vắng mặt.

HKTT: Xóm 9, thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn A, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T sinh năm 1992; vắng mặt.

HKTT: Xóm 9, thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến, Cục C10, Bộ Công an - địa chỉ: Phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Văn S sinh năm 1967, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1968 - địa chỉ thôn A, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hai bên đương sự đều trình bày: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2015. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu lao động chân chính, vi phạm pháp luật. Nay chị H, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh T

đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh T có một con là Nguyễn Hà C. N. sinh ngày 11/02/2016, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H, anh T thống nhất để chị H nuôi dưỡng con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử, chị H ly hôn anh T; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; chị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H, anh T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2015, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do trước khi tiến tới hôn nhân cả hai bên tuổi đời còn trẻ, chưa có sự chuẩn bị về tâm lý, kinh tế và những hiểu biết cần thiết cho cuộc sống gia đình; mặt khác anh T không chịu lao động chân chính và vi phạm pháp luật. Theo xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình của đương sự đều xác định giữa chị H, anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân, mặt khác quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của hai bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị H ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có một con là Nguyễn Hà C. N. sinh ngày 11/02/2016, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có quan điểm để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông S, bà T là bố mẹ chị H, xác

định nếu chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N thì gia đình ông bà có trách nhiệm hỗ trợ chị H trong việc trông nom con chung. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận quan điểm của các bên đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con; anh T có quyền thăm nom con.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hà C. N. sinh ngày 11/02/2016 cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 03/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đức T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003339 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

